TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 289/2024/DS - PT.
Ny: 26/04/2024 và 3/5/2024
V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa *: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.*
Các Thẩm phán *:Ông Vũ Viết Văn*
Ông Trương Chí Anh
Thư ký ghi biên bản phiên toà *:Bà Nguyễn Thị Thu Hương*
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội *: Bà Nguyễn Thị Phương Lan – KSV*

Ny 26/04/2024 và Ny 3/5/2024 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 59/DSPT Ny 22/02/2024 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS – ST Ny 18 tháng 09 năm 2023 của Toà án nhân dân Quận Thanh Xuân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/QĐXX-DSPT Ny 28/03/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Bùi Văn T, sinh năm 1987;**
Trú tại: số 15 ngõ 62 Cù Chính Lan, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bùi Văn T: Luật sư Chu Thị Út Quỳnh - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.
Bị đơn: 1/Anh Ngô Duy Uyên L, sinh năm 1992;
Trú tại: Khu 7 xã Hà Thạch, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
2/Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1992;
Trú tại: Khu Hoà Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
Nơi làm việc: số 10 ngách 35/ 214 đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Ngô Duy Uyên L: Luật sư Mai Xuân Hải – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

(Anh T, luật sư Quỳnh có mặt. Anh L có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn T trình bày***:

Theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội, địa chỉ số 101 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội thì anh Ngô Duy Uyên L và chị Nguyễn Thị Thu Nký với anh T Văn bản thỏa thuận vay tiền với nội dung: anh L và chị Nvay của anh T số tiền 2 tỷ đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất tiền vay 20%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng trong thời hạn 5 Ny đầu tiên. Ny 12/7/2019 anh L và chị Nđã nhận đủ số tiền 2 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh L và chị Nly hôn theo quyết định số 205/2020/QĐST – HNGĐ Ny 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, chị Nđã trả đủ số tiền đã vay là 1.220.000.000 đồng, anh L còn nợ anh T số tiền gốc chưa trả, anh T bớt cho anh L số tiền gốc là 190.000.000 đồng thì số tiền nợ gốc còn lại là 590.000.000 đồng và lãi tạm tính đến Ny 30/3/2023 là 332.083.334 đồng. Anh T đã nhiều lần đòi nhưng anh L đều không trả, tại Cơ quan công an bố anh L là ông Ngô Đình Tân nhận trả nợ thay anh L phần còn thiếu nhưng tại tòa ông Tân thay đổi ý kiến. Vì vậy anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án Thanh Xuân giải quyết là nơi thực hiện hợp đồng vay tài sản nội dung sau:

- Anh T bớt cho anh L số tiền gốc là 52.734.369 đồng, yêu cầu buộc anh Ngô Duy Uyên L phải thanh toán trả cho anh T số tiền nợ gốc là 537.265.631 đồng và số tiền nợ lãi tạm tính từ Ny 11/7/2020 đến Ny 20.6.2023 là 325.750.000 đồng theo Văn bản thỏa thuận vay tiền Ny 11/7/2019.

- Buộc anh Ngô Duy Uyên L tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ Ny tiếp theo cho đến khi trả hết khoản nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Văn bản thỏa thuận vay tiền Ny 11/7/2019.

**** Anh Ngô Duy Uyên L trình bày:***

Anh L và chị Nguyễn Thị Thu Ncó vay tiền anh Bùi Văn T, các bên ký Văn bản thỏa thuận vay tiền theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội. Nội dung văn bản thỏa thuận vay tiền như sau: Anh L và chị Nvay của anh T số tiền 2 tỷ đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất tiền vay 20%/năm,

tiền lãi được trả hàng tháng trong thời hạn 5 Ny đầu tiên. Ny 12/7/2019 anh L và chị Nđã nhận đủ số tiền 2 tỷ đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh L và chị Nly hôn theo quyết định số 205/2020/QĐST – HNGĐ Ny 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Ny 14.6.2020 giữa anh L và chị Nthỏa thuận: Ny 11.7.2020 anh L sẽ có trách nhiệm đưa cho chị Nsố tiền 930.000.000 đồng để chị Ntrả cho anh T số tiền này. Đến tháng 12.2020 anh L có đưa cho chị N150.000.000 đồng để trả cho anh T.

Nay anh T khởi kiện đòi nợ, anh L xác nhận có trách nhiệm trả cho anh T số tiền gốc còn nợ là 537.265.631 đồng trên tổng số tiền 2.000.000.000 đồng đã vay theo thỏa thuận của vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019, còn về số tiền lãi anh L không đồng ý vì trên vi bằng không có quy định. Anh L xác nhận từ Ny 11.7.2020 đến nay anh L mới chỉ đưa chị N150.000.000 đồng để trả anh T ngoài ra anh L chưa trả anh T thêm khoản tiền nào khác. Về phần của chị Nphải trả cho anh T, chị Nđã trả chưa anh L không biết.

**** Chị Nguyễn Thị Thu Ntrình bày:***

Chị Nvà anh Ngô Duy Uyên L có vay tiền anh Bùi Văn T đúng như các bên đã trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Nvà anh L ly hôn theo quyết định số 205/2020/QĐST – HNGĐ Ny 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Ny 14.6.2020 giữa chị Nvà anh L thỏa thuận: Ny 11.7.2020 anh L sẽ có trách nhiệm đưa cho chị Nsố tiền 930.000.000 đồng để chị Ntrả cho anh T số tiền này. Đến tháng 12.2020 anh L có đưa chị N150.000.000 đồng để trả cho anh T. Thực tế số tiền gốc chị Nđã trả anh T là 1.070.000.000 đồng, còn anh L trả 150.000.000 đồng. Chị Nđã trả xong toàn bộ phần nợ của chị Ncho anh T nên chị Nkhông liên quan đến khoản nợ này nữa.

Nay anh T khởi kiện đòi anh L số tiền gốc còn nợ là 537.265.631 đồng chị Nđồng ý, đề nghị Tòa án buộc anh L phải trả cho anh T không liên quan đến chị N. Về số tiền lãi: chị Nkhông có ý kiến gì, chị Nkhẳng định anh L chưa trả anh T số tiền lãi tính từ Ny 11.7.2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc anh Ngô Duy Uyên L phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 537.265.631 đồng, và số tiền nợ lãi tạm tính từ Ny 11.7.2020 đến Ny 15.9.2023 là 379.233.522 đồng theo Văn bản thỏa thuận vay tiền Ny 11/7/2019. Buộc anh Ngô Duy Uyên L tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ Ny

tiếp theo cho đến khi trả hết khoản nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Văn bản thỏa thuận vay tiền Ny 11/7/2019.

* Anh Ngô Duy Uyên L thay đổi ý kiến xác nhận số nợ gốc còn nợ anh T là 537.265.631 đồng, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án buộc anh L và chị Ncó trách nhiệm trả cho anh T phần nợ gốc còn lại bằng số cổ phần của chị Ntại Công ty Sarepi vì hiện nay anh L không có khả năng trả nợ. Về phần lãi: anh T không đồng ý trả vì theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền có điều khoản thế chấp số cổ phần của chị Ntại Công ty Sarepi nên hết thời hạn vay 1 năm anh L và chị Nkhông có khả năng trả nợ thì số cổ phần của chị Nchuyển sang cho anh T vì thế không phát sinh lãi.

* Chị Nguyễn Thị Thu Ntrình bày: Anh L có trách nhiệm trả số nợ gốc cho anh T là 537.265.631 đồng không liên quan đến chị, vì sau khi ly hôn chị Nđã trả anh T phần nghĩa vụ của chị Nvới số tiền là 1.070.000.000 đồng. Số cổ phần của chị Ntại Công ty Serapi là điều khoản đảm bảo được vay tiền không phải là điều khoản thế chấp vì sau khi ký thỏa thuận vay tiền các bên không tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm, hiện nay công ty đã tạm ngừng hoạt động nên số cổ phần cũng không còn giá trị.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS – ST Ny 18 tháng 09 năm 2023 của Toà án nhân dân Quận Thanh Xuân đã quyết định như sau:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T đối anh Ngô Duy Uyên L về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2- Buộc anh Ngô Duy Uyên L có nghĩa vụ phải trả nợ theo văn bản thỏa thuận vay tiền theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội, địa chỉ số 101 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội cho anh Bùi Văn T tổng số tiền tạm tính đến Ny 15.9.2023 là 916.499.153 đồng trong đó nợ gốc là 537.265.631 đồng, nợ lãi là 379.233.522 đồng.

Anh Ngô Duy Uyên L còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận vay tiền theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội, địa chỉ số 101 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội kể từ Ny tiếp theo của Ny xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong số nợ gốc trên cho anh Bùi Văn T.

3- Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4 - Về án phí: Anh Ngô Duy Uyên L phải chịu 39.494.974 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Bùi Văn T số tiền tạm ứng án phí 19.800.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008798 Ny 26.4.2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm** :

Anh Ngô Duy Uyên L kháng cáo toàn bộ bản án.

*** Tại phiên toà phúc thẩm**:

- *Anh Bùi Văn T và luật sư thống nhất trình bày*: Ny 11/7/2020 khi hết hạn Hợp đồng vay tiền anh T, anh L và chị Ncùng thống nhất về việc trả nợ, theo đó anh L nhận trách nhiệm trả cho anh T 930.000.000 đồng, nhưng sau đó anh L chỉ trả 150.000.000 đồng thông qua chị Nvà từ đó đến nay không trả thêm đồng nào nữa. Các bên thoả thuận thế chấp cổ phần của chị Ntại Công ty Sarepi là vô hiệu vì các bên không ký Hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch đảm bảo, nên thoả thuận đó là vô hiệu, do vậy anh T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Anh Ngô Duy Uyên L trình bày*: Anh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T, đề nghị Tòa án buộc anh L và chị Ncó trách nhiệm trả cho anh T phần nợ gốc còn lại bằng số cổ phần của chị Ntại Công ty Sarepi vì hiện nay anh L không có khả năng trả nợ. Anh L không đồng ý trả lãi vì theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền có điều khoản thế chấp số cổ phần của chị Ntại Công ty Sarepi nên hết thời hạn vay 1 năm anh L và chị Nkhông có khả năng trả nợ thì số cổ phần của chị Nchuyển sang cho anh T vì thế không phát sinh lãi.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của anh Ngô Duy Uyên L trong thời hạn Luật định và hợp lệ

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Thỏa thuận vay tiền do các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay nợ các bên xác định anh L phải trả số nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Đơn kháng cáo của anh Ngô Duy Uyên L trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Chị Nguyễn Thị Thu Ncó Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

- Luật sư Mai Xuân Hải vắng mặt tại phiên toà nhưng có Bài phát biểu phù hợp với phần trình bày của anh L gửi Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*** Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền**:

- Anh Bùi Văn T khởi kiện anh Ngô Duy Uyên L do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay tài sản, do vậy Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là phù hợp với khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: " *Thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Toà án theo lãnh thổ được xác định như sau: Toà án nơi bị đơn cư trú"*.

Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự "*Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết"*

Thấy rằng Chị Nguyễn Thị Thu Nlà bị đơn làm việc tại Công ty cổ phần thương mại Quốc Tế Hogi Group có địa chỉ số 10 ngách 35 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, các bên ký kết Thoả thuận vay tiền tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội, địa chỉ số 101 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội, do vậy Toà án nhân dân Quận Thanh Xuân thụ lý và giải quyết theo đúng quy định tại Điểm a khoản 1 điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

*** Về nội dung vụ án**:

Anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Thu Nvà anh Ngô Duy Uyên L ký Văn bản thỏa thuận vay tiền theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội với nội dung: "*chị Nvà anh L vay của anh T số tiền 2 tỷ đồng, thời*

hạn vay 1 năm, lãi suất tiền vay 20%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng trong thời hạn 5 Ny đầu tiên". Ny 11/7/2019 chị Nvà anh L đã nhận đủ số tiền 2 tỷ đồng vay của anh T.

Thấy rằng các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực.

* *Về số nợ gốc*:

Chị Nguyễn Thị Thu Nvà anh Ngô Duy Uyên L đăng ký kết hôn Ny 29/1/2019 và ly hôn Ny 18/6/2020, do vậy khoản nợ chị Nvà anh L vay của anh T số tiền 2 tỷ đồng Ny 11/7/2019 là nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do vậy chị Nguyễn Thị Thu Nvà anh Ngô Duy Uyên L cùng có trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên.

Tại Quyết định về việc công nhận tình ly hôn số 205/2020/QĐST – HNGĐ Ny 18/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy có nội dung: chị Nguyễn Thị Thu Nvà anh Ngô Duy Uyên L thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ, do vậy Ny 14.6.2020, Ny 24.7.2020 giữa chị Nvà anh L thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung vợ chồng và phân chia nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn. Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên là tự nguyện và phù hợp với pháp luật do vậy hai bên phải nghiêm chỉnh chấp hành, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Trước khi ly hôn anh L và chị Nký Biên bản thỏa thuận Ny 14.6.2020 với nội dung : " *Bên A (anh L) có trách nhiệm thanh toán cho Bên B (chị N) khoản nợ 930.000.000 đồng chậm nhất là vào Ny 11/7/2020. Bên B tự thanh toán khoản nợ 2 tỷ đồng cho ông Bùi văn T và bà Nguyễn Thu Thủy*"

Sau khi ly hôn Ny 18/6/2020 do anh L không thanh toán tiền cho chị Ntheo thỏa thuận do vậy hai bên lại làm Bản thỏa thuận Ny 24/7/2020 với nội dung: " *Khoản vay theo hợp đồng vay tiền của ông Bùi Văn T do hai bên cùng có trách nhiệm chi trả cho đến khi hoàn tất với trách nhiệm ngang nhau*"

Tại Bản tường trình Ny 14/5/2023 do anh L nộp cho Tòa án (BL số 43, 75, 76) có nội dung ghi:

"*Tôi xác nhận số nợ gốc phải trả của tôi là 537.265.631 đồng.*"

" *Ny 2/6/2020: Tôi và bà Nguyễn Thị Thu Nchốt công nợ cá nhân theo đó: số tiền gốc tôi còn nắm giữ của ông Bùi Văn T giảm 740.709.690 đồng còn 759.290.310 đồng*"

" *Ny 15/12/2020: Tôi trả cho bà Nguyễn Thị Thu N150.000.000 đồng số nợ gốc.*"

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc anh L thừa nhận đã sử dụng số tiền 1.500.000.000 đồng trong khoản tiền 2.000.000.000 đồng vay của anh T, đồng thời

anh L và chị Nthỏa thuận là anh L có trách nhiệm trả anh T khoản nợ 930.000.000 đồng là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của anh L về việc trong số tiền nợ gốc nêu trên chị Nphải có trách nhiệm trả 400.000.000 đồng.

Thấy rằng căn cứ vào Thỏa thuận Ny 14/6/2020 và Ny 11/7/2020, Bản tường trình Ny 14/5/2023 và các tài liệu khác do chính anh L thừa nhận đều thể hiện anh L và chị Nđã thỏa thuận với nội dung: sau khi ly hôn anh L có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 930.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh, tuy nhiên đến khi anh T khởi kiện thì các bên đều xác định anh L đã trả anh T được 1 phần nợ gốc và còn nợ gốc với số tiền 537.265.631 đồng. Tại Cơ quan điều tra và trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh L đều thừa nhận còn nợ và cam kết trả nợ cho anh T số tiền nợ gốc 537.265.631 đồng, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh L trả anh T số tiền 537.265.631 đồng nợ gốc là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của anh L về số nợ gốc.

** Về tiền lãi*:

Căn cứ Văn bản thỏa thuận vay tiền theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất 20%/năm là phù hợp với điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nên chấp nhận.

Theo Thỏa thuận thì thời hạn vay 01 năm từ Ny 11/7/2019 đến Ny 11/7/2020, do vậy lãi suất là 400.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ lời thừa nhận của hai bên thể hiện anh L và chị Ncùng nhau trả số lãi nêu trên, các bên không tranh chấp về số tiền đã trả nên Tòa án không xem xét. Anh L kháng cáo về phần lãi mà anh L phải trả nên Tòa án chỉ xem xét khoản lãi liên quan đến anh L, phần gốc và lãi đối với phần nợ của chị N, do anh T và chị Nkhông kháng cáo, không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

Căn cứ Thỏa thuận vay tiền đến Ny 11/7/2020 anh L và chị Nphải có trách nhiệm trả cho anh T toàn bộ số nợ gốc 2.000.000.000 đồng, tuy nhiên tại thời điểm Ny 11/7/2020 anh L và chị Nđã ly hôn, khi đó anh L, chị Nvà anh T tính toán xác định đến Ny 11/7/2020 anh L có trách nhiệm trả anh T số nợ gốc 759.290.310 đồng. Xét thấy lời thừa nhận của anh L về số nợ gốc nêu trên phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ phù hợp với lời khai của chị Nvà anh T nên chấp nhận.

Căn cứ sao kê Ngân hàng và lời thừa nhận của anh T và anh L thể hiện đến Ny 24/5/2020 anh L đã trả được 403.870.000 đồng, trong đó anh L tự tính toán và xác định đã trả quá số lãi phải trả đến Ny 11/7/2020 là 72.024.679 đồng, do vậy phải trừ số tiền lãi nêu trên vào số nợ gốc, như vậy tính đến Ny 11/7/2020 anh L còn nợ anh T

687.265.631 đồng nợ gốc, do anh L chưa trả nên số gốc này được tính lãi từ Ny 11/7/2020.

Ny 15/12/2020 anh L trả anh T số nợ gốc 150.000.000 đồng do vậy kể từ Ny 16/12/2020 anh L còn nợ gốc là 537.265.631 đồng, do anh L không trả được nên anh L phải chịu nợ lãi trên nợ gốc 537.265.631 đồng kể từ 16/12/2020 đến Ny xét xử sơ thẩm. Cụ thể như sau:

- Từ Ny 11.7.2020 đến Ny 15.12.2020 số tiền nợ lãi là 687.265.631 đồng x 20%/năm x (4 tháng 26 Ny) = 55.744.878 đồng.

- Từ Ny 16.12.2020 đến Ny 15.9.2023 là 2 năm 9 tháng số tiền nợ lãi là 537.265.631 đồng x 20%/năm x (2 năm 9 tháng) = 214.906.252 đồng + 80.589.844 đồng = 295.496.096 đồng.

Tổng lãi : 351.240.974 đồng.

Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm buộc anh L phải trả cho anh T số lãi đến Ny xét xử sơ thẩm là 351.240.974 đồng.

* *Về điều khoản thế chấp*:

Khoản 3 điều 119 Luật doanh nghiệp quy định: " *Trong thời hạn 3 năm kể từ Ny Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp , cổ đông sáng lập có quyền chuyển nhượng cổ phần cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông* "

Tại Văn bản thỏa thuận vay tiền các bên thỏa thuận điều kiện đảm bảo để được vay tiền là toàn bộ cổ phần của chị Nguyễn Thị Thu Ntại Công ty cổ phần bất động sản Sarepi là 1.200.000.000 cổ phần, cụ thể "*trường hợp bên A không trả được nợ cho bên B theo thỏa thuận tại Văn bản này thì bên A cam kết sẽ chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của bên A nêu trên cho bên B*…".

Thấy rằng Công ty cổ phần bất động sản Sarepi được thành lập từ Ny 8/3/2018, chị Nguyễn Thị Thu Nlà cổ đông sáng lập với số vốn góp là 1.200.000.000 cổ phần, do vậy việc Ny 11/7/2019 chị Nguyễn Thị Thu Nthỏa thuận về việc thế chấp và chuyển nhượng số cổ phần nêu trên cho anh T trong khi anh T không phải là cổ đông sáng lập là trái với quy định tại khoản 3 điều 119 Luật doanh nghiệp. Hơn nữa việc các bên thỏa thuận thế chấp và chuyển nhượng số cổ phần của chị Nguyễn Thị Thu Nkhi không có sự tham gia của Công ty cổ phần bất động sản Sarepi là trái với quy định tại khoản 3 điều 119 Luật doanh nghiệp, do vậy việc anh T, chị Nvà anh L thỏa thuận về thế chấp và

chuyển nhượng số cổ phần nêu trên của chị Nkhông phát sinh hiệu lực, do vi phạm điều cấm của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh L về việc phải xử lý cổ phần nêu trên là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của anh L về việc về việc phải xử lý tài sản thế chấp là cổ phần của chị Nguyễn Thị Thu Nđể trừ vào số nợ gốc mà anh L phải trả cho anh T.

Từ những nhận định trên căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh L sửa bản án sơ thẩm xác định lại số nợ lãi.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 điều 119 Luật doanh nghiệp

Căn cứ điều 147, điều 148, điều 296, khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử: Chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Ngô Duy Uyên L.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS – ST Ny 18 tháng 09 năm 2023 của Toà án nhân dân Quận Thanh Xuân và quyết định như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T đối anh Ngô Duy Uyên L về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2/ Buộc anh Ngô Duy Uyên L có nghĩa vụ phải trả nợ theo văn bản thỏa thuận vay tiền theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội, địa chỉ số 101 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội cho anh Bùi Văn T tổng số tiền tính đến Ny 15.9.2023 là 888.506.605 đồng trong đó nợ gốc là 537.265.631 đồng, nợ lãi là 351.240.974 đồng.

Anh Ngô Duy Uyên L còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận vay tiền theo vi bằng số 0493.2019/VB – TPLHN Ny 11/7/2019 tại Văn phòng thừa phát lại Hà Nội, địa chỉ số 101 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội kể từ Ny16/9/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc trên cho anh Bùi Văn T.

3/ Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4/ Về án phí: Anh Ngô Duy Uyên L phải chịu 38.655.198 đồng án phí Dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4260 Ny 02.10.2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, còn phải nộp 38.355.198 đồng.

Hoàn trả anh Bùi Văn T số tiền tạm ứng án phí 19.800.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8798 Ny 26.4.2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Thanh Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ Ny 03/05/2024.

Nơi nhận:
- Tòa án ND Quận Thanh Xuân
- Chi cục THADS Quận Thanh Xuân
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Đương sự. Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh